Chi tiết mã HS 8453.10.10

Mã HS	8453.10.10
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để sơ chế, thuộc da hoặc chế biến da sống hoặc da thuộc hoặc máy để sản xuất hoặc sửa chữa giày dép hoặc các sản phẩm khác từ da sống hoặc da thuộc, trừ các loại máy khâu / - Máy dùng để sơ chế, thuộc da hoặc chế biến da sống hoặc da thuộc: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 14:14:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84531010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14048
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14048
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14048
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13373
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13314
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13314
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13314
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13314
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13314
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13314
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13368
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13368
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13368
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13368

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13368
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13368
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13369
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13369
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13369
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13369
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13369
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13369
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13372
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13320
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13328
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13328
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13328
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13328
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13328
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13328
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13359
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13359
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13359
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13359
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13359
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13359
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13408
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13408
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13408
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13408

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13408
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13408
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13391
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13391
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13391
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13391
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13391
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13391
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13391
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13391
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13391
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13391
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13391
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13391
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13406
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13406
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13406
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13406
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13406
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13406
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13405
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13405
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13405
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13405
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13405
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13405

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13385
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13385
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13385
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13385
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13385
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13385
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13385
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13393
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13393
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13393
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13393
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13393
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13393
RCEP B	2022	2022	0	B!D13393
RCEP B	2023	2023	0	B!E13393
RCEP B	2024	2024	0	B!F13393
RCEP B	2025	2025	0	B!G13393
RCEP B	2026	2026	0	B!H13393
RCEP B	2027	2027	0	B!I13393
RCEP C	2022	2022	0	C!D13393
RCEP C	2023	2023	0	C!E13393
RCEP C	2024	2024	0	C!F13393
RCEP C	2025	2025	0	C!G13393
RCEP C	2026	2026	0	C!H13393
RCEP C	2027	2027	0	C!I13393
RCEP D	2022	2022	0	D!D13392

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13392
RCEP D	2024	2024	0	D!F13392
RCEP D	2025	2025	0	D!G13392
RCEP D	2026	2026	0	D!H13392
RCEP D	2027	2027	0	D!I13392
RCEP E	2022	2022	0	E!D13396
RCEP E	2023	2023	0	E!E13396
RCEP E	2024	2024	0	E!F13396
RCEP E	2025	2025	0	E!G13396
RCEP E	2026	2026	0	E!H13396
RCEP E	2027	2027	0	E!I13396
RCEP F	2022	2022	0	F!D13393
RCEP F	2023	2023	0	F!E13393
RCEP F	2024	2024	0	F!F13393
RCEP F	2025	2025	0	F!G13393
RCEP F	2026	2026	0	F!H13393
RCEP F	2027	2027	0	F!I13393
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12426
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12426
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12426
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12426

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8453.10 có 2 dòng thuế; dòng 8453.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8453.10.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8453.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8453.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14048), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.